TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08-12- 2021
V/v tranh chấp L hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Nam; Bà Phạm Thị Minh Nguyệt

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vương Thị Thanh Lan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên: Không tham gia

Ngày 08/12/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2021 về tranh chấp L hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn Ng, sinh năm 1997

Bị đơn: Chị Vi Thị L, sinh năm 2000

Đều trú tại: TDP L, phường B, Tp Sông Công, Thái Nguyên

(có mặt anh Ng, Chị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà, anh Bùi Văn Ng trình bày: Năm 2018 anh và chị Vi Thị L kết hôn và Đ ký tại UBND phường B, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Anh và chị trước khi kết hôn có tìm hiểu, kết hôn là tự Ng, không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống quan hệ vợ chồng rạn nứt nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm, chị L nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, sau đó anh có đón về đoàn tụ, nhưng chỉ được thời gian ngắn. Lần cuối cùng chị L bỏ nhà đi từ mùng 6 tết năm 2019 không nói lý do vì sao, kể từ đó anh và chị L sống L

thân không còn quan hệ tình cảm, không qua lại chăm sóc nhau, thỉnh thoảng chị L có gọi điện thoại về hỏi thăm con nhưng không nói gì về vấn đề vợ chồng đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho anh được L hôn với chị L để ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung Bùi Đ Kh, sinh ngày 15/10/2018; Bùi Hải Đ, sinh ngày 04/10/2019. Hiện tại hai con đang ở với anh và ông bà nội từ lúc chị L bỏ đi đến nay. Nay L hôn anh có Ng vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã thụ lý vụ án tranh chấp L hôn theo yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường B, nơi cư trú của chị L tại tổ dân phố L, phường B, thành phố Sông Công xác định: Chị Vi Thị L, sinh năm 2000 có Đ ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố L, phường B, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Số hồ sơ hộ khẩu 05528-001728 chủ hộ là ông Bùi Văn Ngữ, sinh năm 1976 là bố chồng chị L. Hiện tại chị L đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình. Chị L chưa làm thủ tục cắt chuyển hộ khẩu với chính quyền địa phương. Tại tổ dân phố L, phường B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên bà Đinh Thị Sao tổ trưởng tổ dân phố L cũng xác nhận anh Ng, chị L là vợ chồng và là công dân của tổ dân phố. Hiện tại chị L vắng mặt tại địa phương, chính quyền địa phương cũng không biết chị L đi đâu, làm gì và ở đâu.

Anh Ng có cung cấp số điện thoại của chị L là 0976.874.552, Tòa án đã liên lạc với chị L thông báo cho chị biết anh Ng đang có đơn khởi kiện xin L hôn với chị, chị L cho biết chị đồng ý L hôn nhưng vì hiện tại chị đang đi làm ăn không đến Tòa án để giải quyết việc L hôn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định. Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án đối với chị L tại nơi cư trú và chính quyền địa phương theo quy định.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải cho anh Ng và chị L về đoàn tụ, nhưng chị L không đến Tòa án giải quyết vụ án, đến nay anh Ng vẫn giữ nguyên quan điểm xin L hôn với chị L. Do chị L vắng mặt tại các phiên hòa giải; Tòa án không tiến hành hòa giải được với các đương sự, nên vụ án được xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa anh Ng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin L hôn với chị L. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được nuôi hai con chung; về Tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Ng tự Ng chịu án phí L hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp L hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho chị L theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS năm 2015, nhưng chị L vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018 anh Ng và chị Vi Thị L kết hôn và Đ ký tại UBND phường B, thành phố Sông Công, Thái Nguyên được pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và do chị L thường xuyên bỏ nhà đi bỏ nhà đi, đầu năm 2019 chị L xin phép về ngoại và bỏ đi luôn, vợ chồng sống L thân từ đó không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L mặc dù đã được Tòa án báo gọi thông báo về việc anh Ng xin L hôn nhưng không có mặt tại Tòa án để hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, như vậy có thể thấy chị L không thiện chí trong vấn đề đoàn tụ để nuôi dậy con chung. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Ng làm đơn xin L hôn là có cơ sở. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện L hôn của anh Ng, cho anh Ng được L hôn chị L là phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Bùi Đ Kh, sinh ngày 15/10/2018; Bùi Hải Đ, sinh ngày 04/10/2019. Tại phiên tòa hôm nay anh Ng có Ng vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại hai cháu Bùi Đ Kh, Bùi Hải Đ đang sống cùng anh và ông, bà nội được anh và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt, anh Ng đi làm công nhân thu nhập ổn định trung bình 9.000.000 đồng /tháng đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, còn chị L từ bỏ nhà đi từ năm 2019 đến nay bỏ lại hai con cho anh Ng chăm sóc nuôi dưỡng, mặc dù con Bùi Hải Đ chưa đủ 36 tháng tuổi, từ khi bỏ đi chị có gọi điện thăm hỏi con nhưng không trực tiếp đến thăm nom chăm sóc, không gửi tiền chu cấp nuôi con chung cùng anh Ng.

HĐXX xét nên giao hai con chung Bùi Đ Kh, Bùi Hải Đ cho anh Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Sau khi L hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con trong một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau khi L hôn các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung sau L hôn thì khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn Ng phải chịu án phí L hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Anh Ng, chị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 180, 227, 228; Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin L hôn của anh Bùi Văn Ng. Anh Bùi Văn Ng được L hôn chị Vi Thị L.

2. Về con chung: Giao hai con chung Bùi Đ Kh, sinh ngày 15/10/2018; Bùi Hải Đ, sinh ngày 04/10/2019 cho anh Bùi Văn Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị L cho đến khi anh Ng có yêu cầu.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

6. Về án phí: Anh Bùi Văn Ng phải chịu 300.000đ tiền án phí L hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001454 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

7**. Về quyền kháng cáo:** Anh Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPSCTN;
- Chi cục THATPSCTN;
- Các đương sự;
- UBND P.B, TPSCTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bình